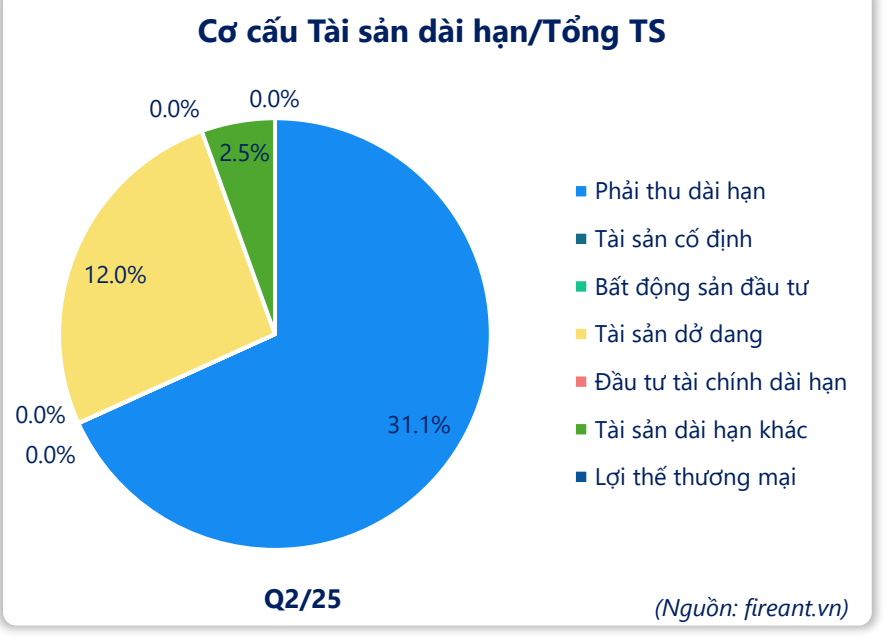
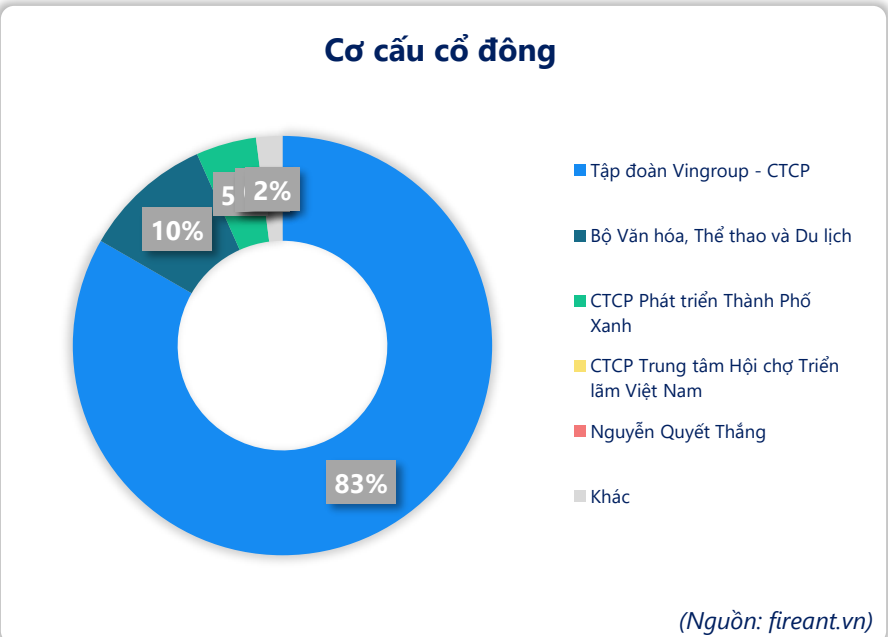
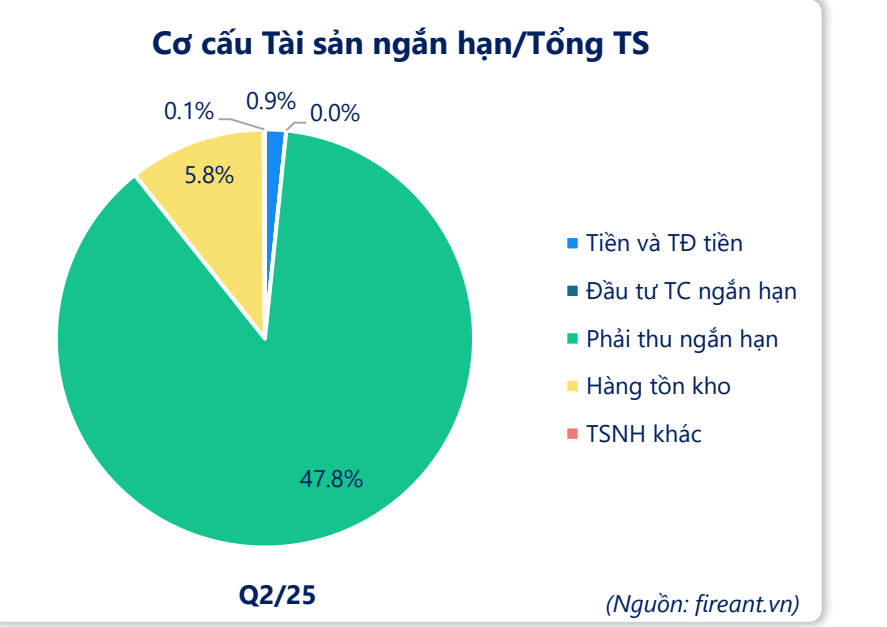
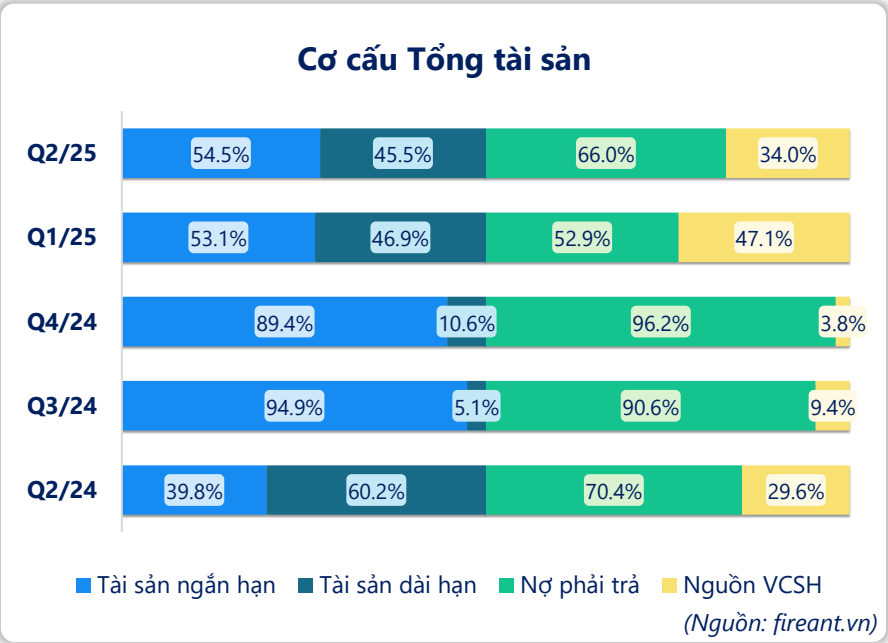
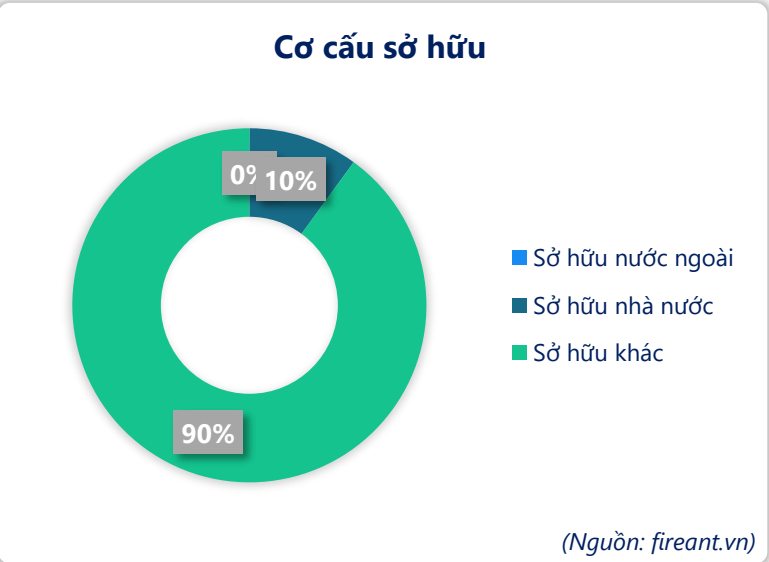
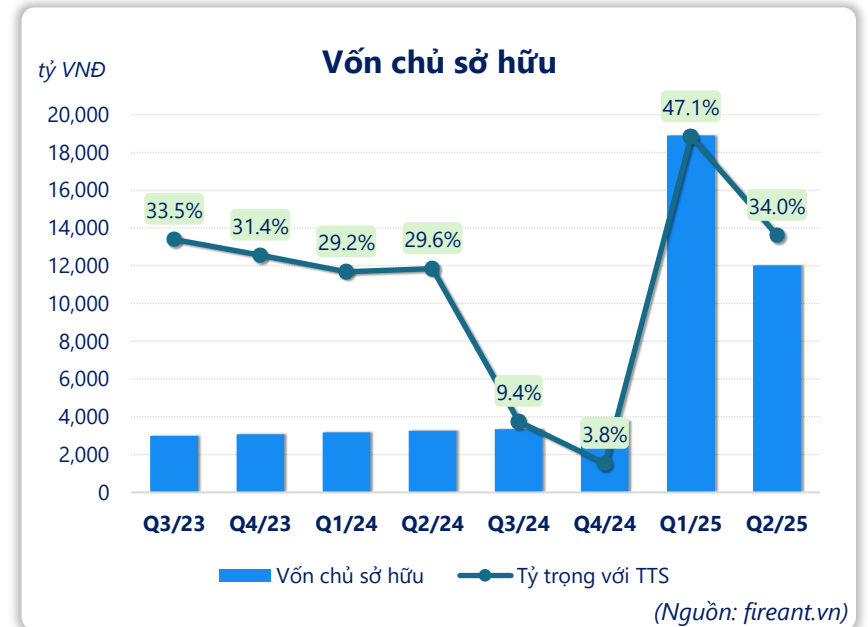
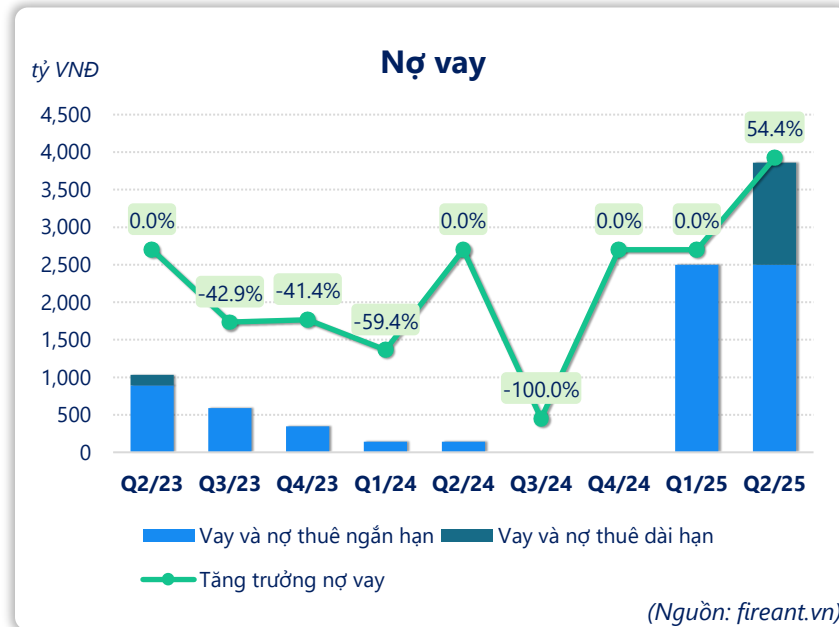
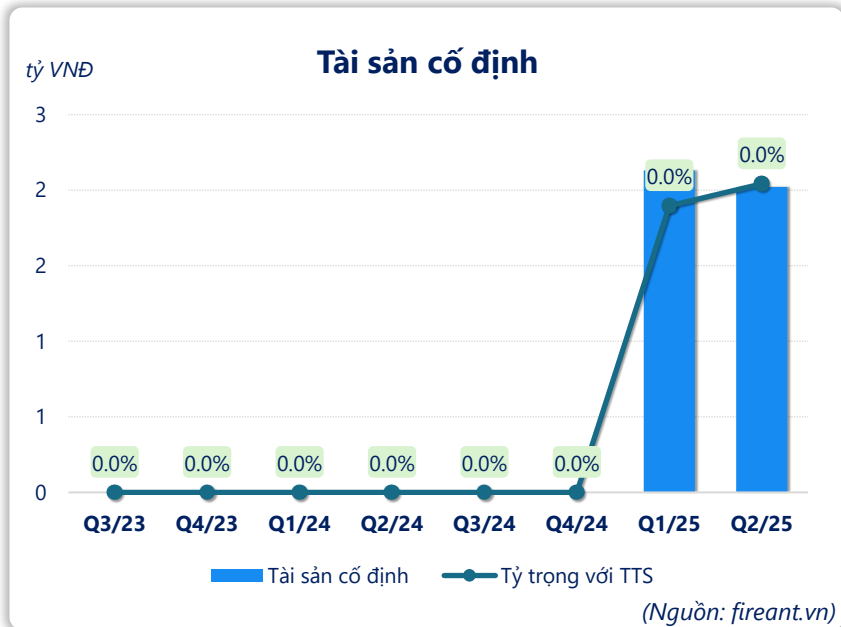
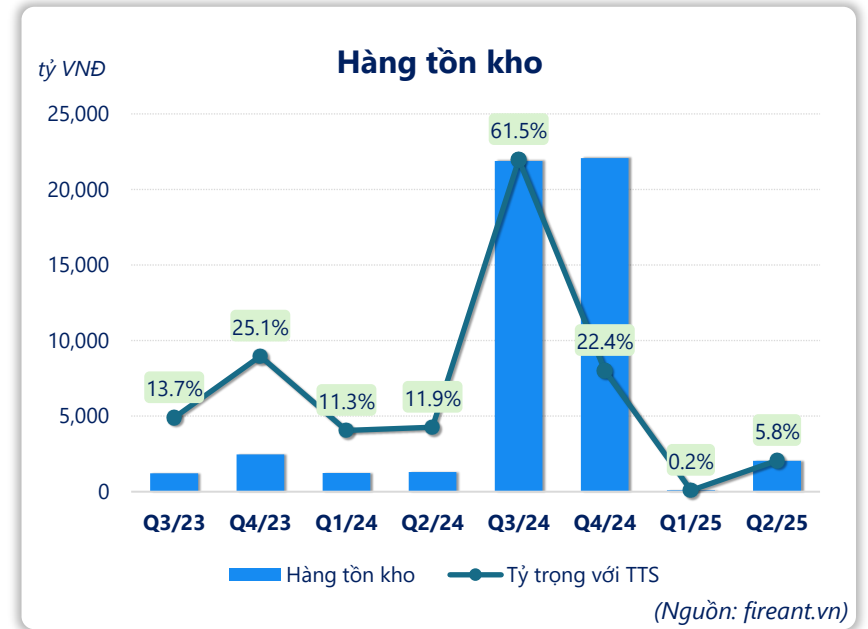
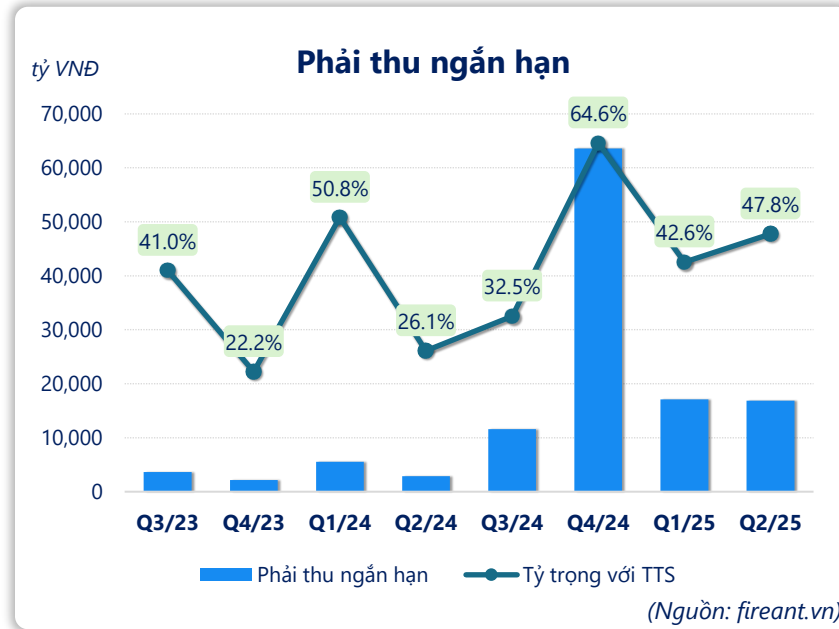
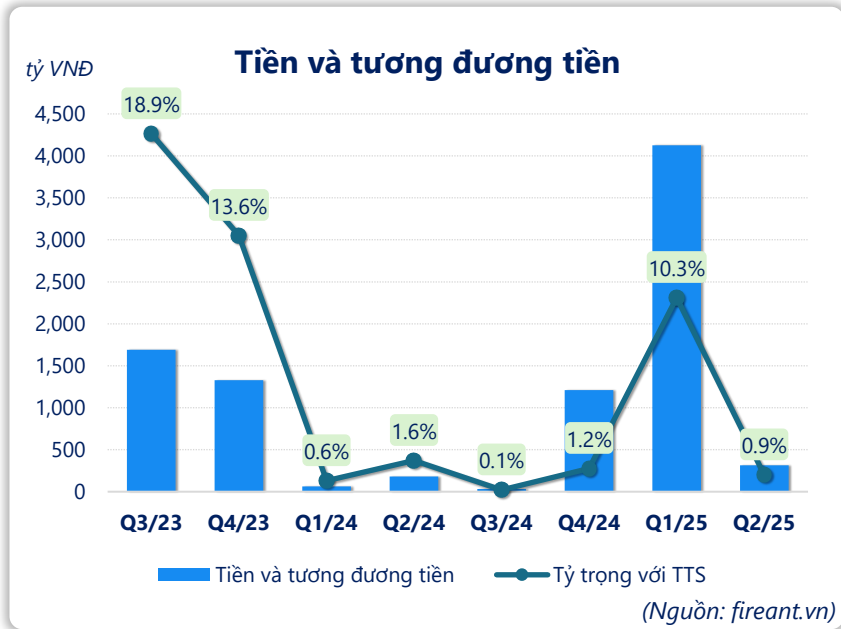
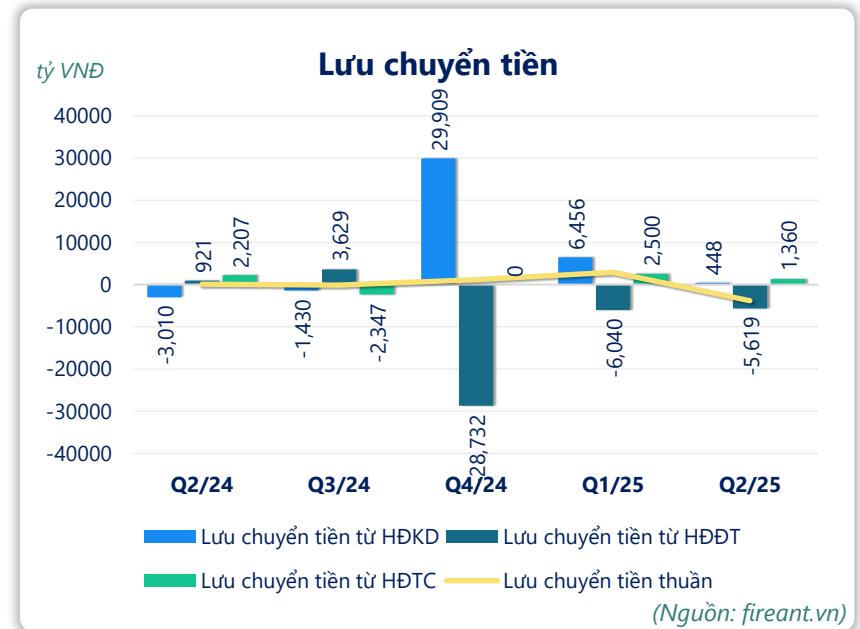
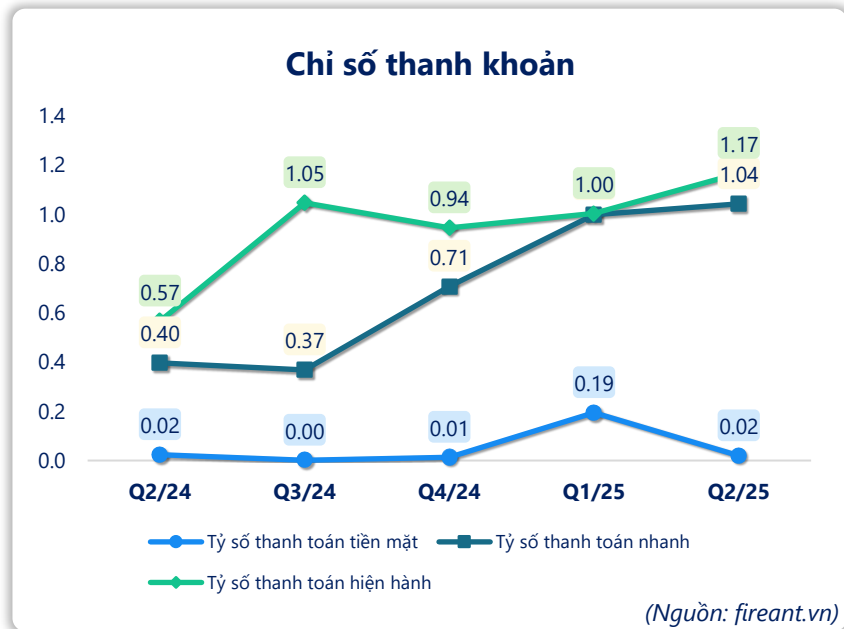
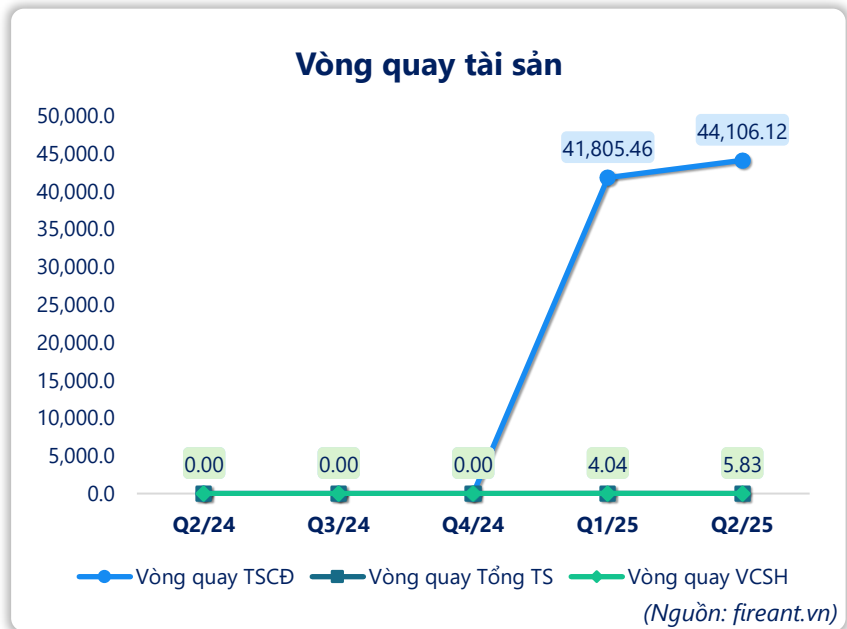
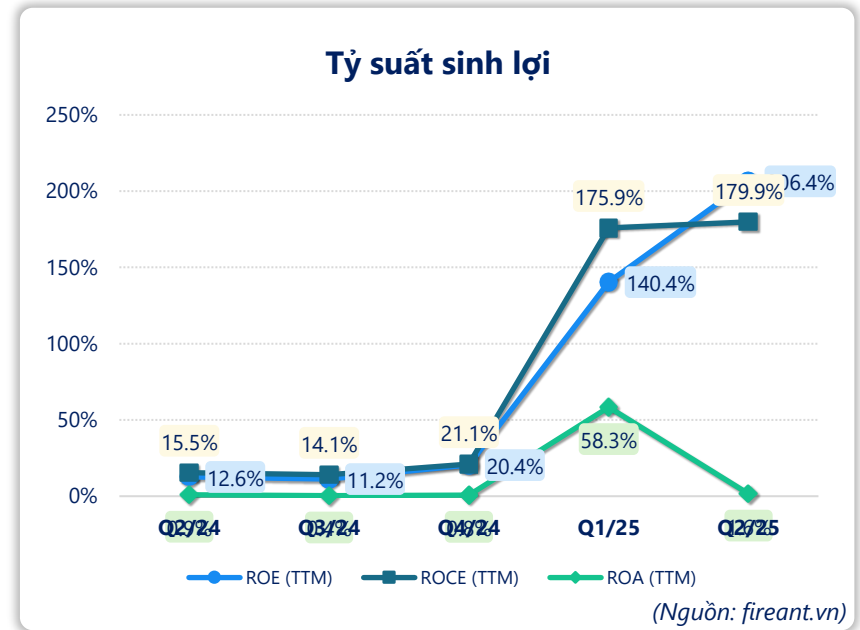
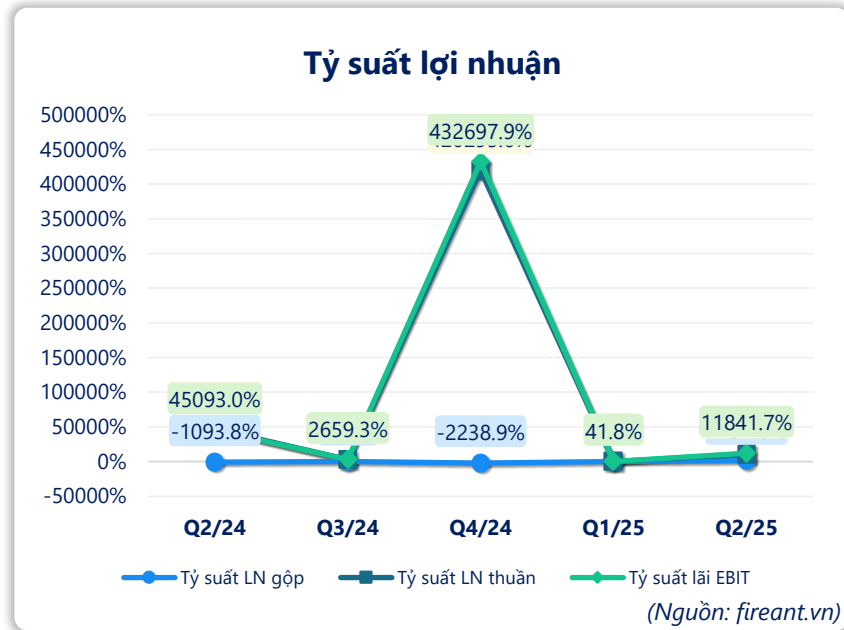
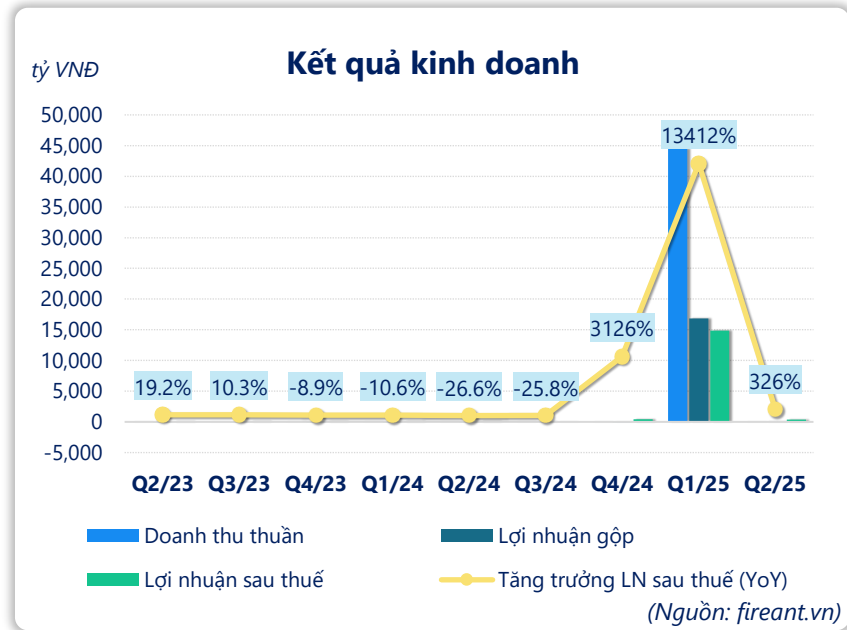


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		181,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		197,644
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		128,828
SL cổ phiếu LH		166,601,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)		27,420
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		30,205
P/E		1.9
EPS		94,654

	YTD	1T	3T	6T
VEF	29.3%	-4.0%	22.9%	27.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	35,353	105,107	-66.4%
Tài sản ngắn hạn	19,255	91,182	-78.9%
Tiền và tương đương tiền	314	1,210	-74.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	16,881	66,837	-74.7%
Hàng tồn kho	2,041	22,157	-90.8%
Tài sản ngắn hạn khác	18.7	978	-98.1%
Tài sản dài hạn	16,098	13,926	15.6%
Phải thu dài hạn	10,982	11,507	-4.6%
Tài sản cố định	2.02	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,227	1,153	267%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	887	1,266	-30.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	23,331	101,089	-76.9%
Nợ ngắn hạn	16,515	99,616	-83.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,500	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	171	52.4	226%
Nợ dài hạn	6,816	1,472	363%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,360	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	12,022	4,018	199%
Vốn chủ sở hữu	12,022	4,018	199%
Vốn điều lệ	1,666	1,666	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0.25	3.99	0.13	44,560	4.86
Giá vốn hàng bán	2.95	3.22	2.95	27,724	-58.2
Lợi nhuận gộp	-2.70	0.77	-2.83	16,836	63.1
Doanh thu HĐTC	149	129	560	1,857	550
Chi phí TC	27.6	11.3	8.15	36.0	116
Chi phí lãi vay	0	0	0	36.0	99.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.26	15.1	0	0.68
Chi phí QLDN	1.82	4.21	3.45	5.61	3.05
LN thuần từ HĐKD	117	114	530	18,651	494
Lợi nhuận khác	-5.20	-7.85	15.7	-46.3	-18.1
LN trước thuế	112	106	546	18,605	476
Lợi nhuận sau thuế	88.2	84.6	434	14,873	377
LNST của CĐ cty mẹ	88.2	84.6	434	14,873	377

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3,010	-1,430	29,909	6,456	448
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	921	3,629	-28,732	-6,040	-5,619
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2,207	-2,347	0	2,500	1,360
Tiền đầu kỳ	62.8	181	33.1	1,210	4,125
Lưu chuyển tiền thuần	118	-148	1,176	2,916	-3,811
Ảnh hưởng tỷ giá	0.21	0	0.11	0	0
Tiền cuối kỳ	181	33.1	1,210	4,125	314

(Nguồn: fireant.vn)